



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtndaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 10347/2024/PKQ (24.9474)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhon Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9474.KT.01	Ổng thoát khí thải số 14 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 01 – Dip 5 (nguồn số 18).	X=1183558, Y=0408206
24.9474.KT.02	Ổng thoát khí thải số 15 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 02 – Dip 5 (nguồn số 19).	X=1183562, Y=0408215
24.9474.KT.03	Ổng thoát khí thải số 16 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex Dip 05 (nguồn số 20).	X=1183551, Y=0408210
24.9474.KT.04	Ổng thoát khí thải số 17 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 03 – Dip 6 (nguồn số 21).	X=1183539, Y=0408212
24.9474.KT.05	Ổng thoát khí thải số 18 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 04 – Dip 6 (nguồn số 22).	X=1183540, Y=0408213
24.9474.KT.06	Ổng thoát khí thải số 19 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex Dip 06 (nguồn số 23).	X=1183549, Y=0408217
24.9474.KT.07	Ổng thoát khí thải số 20 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 05 – Dip 7 (nguồn số 24).	X=1183519, Y=0408217
24.9474.KT.08	Ổng thoát khí thải số 21 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 06 – Dip 7 (nguồn số 25).	X=1183520, Y=0408218
24.9474.KT.09	Ổng thoát khí thải số 22 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex Dip 07 (nguồn số 26).	X=1183525, Y=0408222
24.9474.KT.10	Ổng thoát khí thải số 23 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex số 07 – Dip 8 (nguồn số 27).	X=1183495, Y=0408221
24.9474.KT.11	Ổng thoát khí thải số 24 sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex Dip 08 (nguồn số 28).	X=1183499, Y=0408226

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 09/12/2024

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giam-sat-moi-truong.com.vn

**6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 19/12/2024****7. Bảng kết quả/ Results table****• Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN khí thải công nghiệp
				24.9474. KT.01	24.9474. KT.02	24.9474. KT.03	
1	1,3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	2.200 ⁽²⁾
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	32 ⁽¹⁾
3	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	43.508	23.230	5.591	-
4	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	20 ⁽²⁾
5	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	100 ⁽²⁾

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN khí thải công nghiệp
				24.9474. KT.04	24.9474. KT.05	24.9474. KT.06	
1	1,3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	2.200 ⁽²⁾
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	32 ⁽¹⁾
3	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	41.289	27.770	5.685	-
4	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	20 ⁽²⁾
5	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	100 ⁽²⁾

• Bảng 3/ Table 3:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN khí thải công nghiệp
				24.9474. KT.07	24.9474. KT.08	24.9474. KT.09	
1	1,3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	2.200 ⁽²⁾
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	32 ⁽¹⁾
3	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	40.186	23.573	4.218	-
4	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	20 ⁽²⁾
5	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	100 ⁽²⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giam-sat-moi-truong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 4/ Table 4:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN khí thải công nghiệp
				24.9474. KT.10	24.9474. KT.11	
1	1,3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,96)	KPH (MDL=0,96)	2.200 ⁽²⁾
2	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	32 ⁽¹⁾
3	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	38.594	4.238	-
4	Formaldehyde ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	20 ⁽²⁾
5	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	100 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

4. "-": Không quy định

5. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

6. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 10348/2024/PKQ (24.9537)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhon Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9537.KT.01	Ống thoát khí thải số 30 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 06 – NVTC8,9 (nguồn số 34)	X=1183620, Y=0408035
24.9537.KT.02	Ống thoát khí thải số 31 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 07 – NVTC3 (nguồn số 35)	X=1183614, Y=0408015
24.9537.KT.03	Ống thoát khí thải số 32 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 08 – NVTC4 (nguồn số 36).	X=1183610, Y=0407998
24.9537.KT.04	Ống thoát khí thải số 38 sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi số 05 – NVTC3,4 (nguồn số 42)	X=1183659, Y=0407982
24.9537.KT.05	Ống thoát khí thải số 25 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 01 – VTY1,2 (nguồn số 29)	X=1183645, Y=0408054
24.9537.KT.06	Ống thoát khí thải số 26 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 02 – VTY3,4 (nguồn số 30)	X=1183630, Y=0408060
24.9537.KT.07	Ống thoát khí thải số 27 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 03 – VTY5,6 (nguồn số 31)	X=1183607, Y=0407985
24.9537.KT.08	Ống thoát khí thải số 28 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 04 – VTY7,8 (nguồn số 32).	X=1183607, Y=0407979
24.9537.KT.09	Ống thoát khí thải số 29 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 05 – VTY9 (nguồn số 33)	X=1183618, Y=0407991
24.9537.KT.10	Ống thoát khí thải số 34 sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi số 01 – VTY1,2 (nguồn số 38).	X=1183658, Y=0408007
24.9537.KT.11	Ống thoát khí thải số 36 sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi số 03 – VTY3 (nguồn số 40).	X=1183647, Y=0407979
24.9537.KT.12	Ống thoát khí thải số 37 sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi số 04 – VTY4 (nguồn số 41).	X=1183655, Y=0407998

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**

24.9537.KT.13	Ống thoát khí thải số 35 sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn sợi số 02 – VTY7 (nguồn số 39).	X=1183648, Y=0408015
24.9537.KT.14	Ống thoát khí thải số 06 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 01 (nguồn số 09) Nylon (CS: 30.000 m ³ /h)	X=1183864, Y=0409025
24.9537.KT.15	Ống thoát khí thải số 07 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 02 (nguồn số 10) Nylon (CS: 30.000 m ³ /h)	X=1183787, Y=0409039
24.9537.KT.16	Ống thoát khí thải số 08 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 03 (nguồn số 11) Nylon (CS: 15.000 m ³ /h)	X=1183783, Y=0409021
24.9537.KT.17	Ống thoát khí thải số 09 sau hệ thống xử lý hơi dầu từ công đoạn bắn sợi số 04 (nguồn số 12) Nylon (CS: 20.000 m ³ /h)	X=1183635, Y=0409014

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 10/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 20/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			Nồng độ tối đa ⁽²⁾
				24.9537. KT.01	24.9537. KT.02	24.9537. KT.03	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	15.980	13.542	12.666	-
2	Methanol ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	260

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN khí thải công nghiệp
				24.9537. KT.04	24.9537. KT.05	24.9537. KT.06	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	6.248	18.209	15.988	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<21	-	-	128 ⁽¹⁾
3	Methanol ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	-	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	260 ⁽²⁾

• Bảng 3/ Table 3:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				24.9537. KT.07	24.9537. KT.08	24.9537. KT.09	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	17.357	16.890	20.768	-
2	Methanol ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	260

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giam-sat-moi-truong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 4/ Table 4:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/BTNMT
				24.9537. KT.10	24.9537. KT.11	24.9537. KT.12	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	6.102	7.216	6.812	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	34	36	32	128

• **Bảng 5/ Table 5:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/BTNMT
				24.9537. KT.13	24.9537. KT.14	24.9537. KT.15	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	7.120	20.302	19.162	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38	25	26	128

• **Bảng 6/ Table 6:**

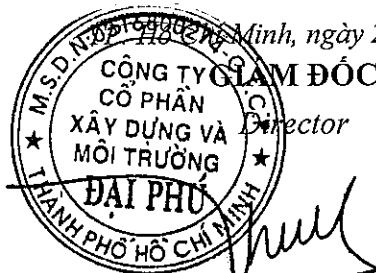
STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				24.9537.KT.16	24.9537.KT.17	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	10.098	15.072	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	21	24	128

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- "-": Không quy định
- (1): (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ**ĐOÀN THỊ THỦY**



Mã số/ Ref. No: 10354/2024/PKQ (24.9696)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - NHÀ MÁY
PTMG - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9696.KT.01	Khí thải tại ống thải hệ thống xử lý khí thải sản xuất số 01 (nguồn số 01). CS: 444 m ³ /h	X=1183391, Y=0408904
24.9696.KT.02	Khí thải tại ống thải hệ thống xử lý khí thải sản xuất số 02 (nguồn số 02). CS: 444 m ³ /h	X=1183421, Y=0408823

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 11/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 23/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 20:2009/BTNMT
				24.9696. KT.01	24.9696. KT.02	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	THF (Tetrahydrofural) ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	590
2	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	380	401	-

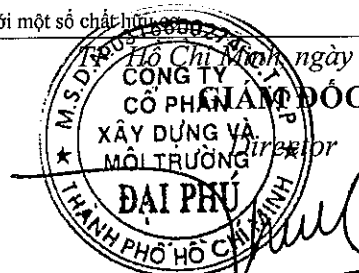
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. "-": Không quy định
5. (1): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ dễ bay hơi

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 10353/2024/PKQ (24.9547)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - NHÀ MÁY
PTMG - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9547.KT.01	Ổng thoát khí thải số 05 sau hệ thống xử lý khí thải và mùi từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 08). CS: 1.500 m ³ /h	X=1183430, Y=0408840

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 10/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 19/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				24.9547.KT.01	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,5)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	850	-
3	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<2	4,8

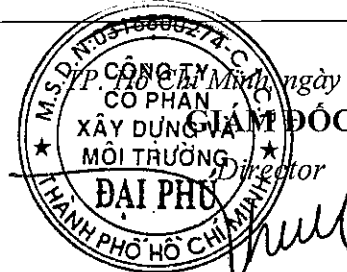
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. "-": Không quy định
5. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 10349/2024/PKQ (24.9697)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9697.KT.01	Khí thải tại ống thải HTXL hơi hóa chất tại công đoạn bắn sợi số 04 (nguồn số 16). CS: 6.000 m ³ /h	X=1183762, Y=0408629
24.9697.KT.02	Khí thải tại ống thải HTXL hơi-dầu SPX -Scrubbers SV 9	X=1183698, Y=0408708
24.9697.KT.03	Khí thải tại ống thải HTXL hơi hóa chất tại công đoạn bắn sợi số 02 (nguồn số 14). CS: 21.480 m ³ /giờ.	X=1183708, Y=0408746

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 11/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 23/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				24.9697. KT.01	24.9697. KT.02	24.9697. KT.03	Nồng độ tối đa ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.232	14.312	12.426	-
2	Dietylamin ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	75
3	Etylendiamin ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	30



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks:

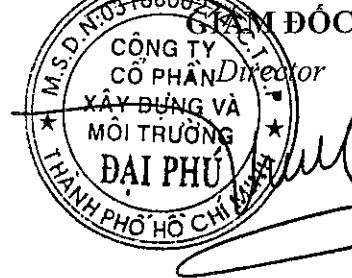
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. "-": Không quy định
4. (1): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2024



ĐOÀN THỊ THỦY

DP

